

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NGHỆ AN
ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề thi có 4 trang)

KỶ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KẾT HỢP THI THỬ
LỚP 12, NĂM HỌC 2025 – 2026 (Đợt 2)

Môn thi: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ và tên: Số báo danh: **Mã đề 0701**

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành phân theo ngành kinh doanh của nước ta, giai đoạn 2015 – 2024

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm	2015	2020	2021	2024
Ngành kinh doanh				
Bán lẻ	2403,7	3815,1	3639,2	4928,7
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	399,8	497,7	364,7	755,8
Dịch vụ và du lịch	419,6	552,9	403,9	762,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, NXB Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

- A. Năm 2024 so với năm 2015, ngành bán lẻ có tốc độ tăng trưởng chậm nhất.
- B. Năm 2024 so với năm 2015, ngành dịch vụ và du lịch có tỉ trọng giảm.
- C. Ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng nhiều nhất trong giai đoạn 2015 - 2024.
- D. Cả ba ngành kinh doanh đều tăng liên tục trong giai đoạn 2015 - 2024.

Câu 2. Đặc điểm nào sau đây đúng với sự phát triển các ngành công nghiệp nước ta hiện nay?

- A. Sản xuất giày, dép có nguồn nguyên liệu trong nước khá dồi dào.
- B. Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính có tốc độ tăng trưởng chậm.
- C. Khai thác dầu mỏ, khí tự nhiên chỉ tiến hành ở trong nước.
- D. Sản xuất thực phẩm tạo ra nhiều mặt hàng xuất khẩu có giá trị.

Câu 3. Giải pháp chủ yếu để phát triển cây ăn quả theo hướng sản xuất hàng hóa ở Bắc Trung Bộ là

- A. đẩy mạnh khâu chế biến, nâng cao chất lượng, mở rộng thị trường.
- B. nâng cao sản lượng, đa dạng sản phẩm, gắn trồng trọt và chế biến.
- C. sản xuất tập trung, sử dụng kĩ thuật tiên tiến, phòng chống thiên tai.
- D. tăng năng suất, tạo thương hiệu, hình thành các vùng chuyên canh.

Câu 4. Giới hạn độ cao đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc nước ta là khoảng

- A. trên 2600 m.
- B. 600 - 700 m.
- C. 900 - 1000 m.
- D. 1600 - 1700 m.

Câu 5. Khối khí nhiệt đới ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương khi thổi vào nước ta chủ yếu gây mưa cho đồng bằng

- A. Nam Trung Bộ.
- B. Nam Bộ.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Bắc Bộ.

Câu 6. Làng nghề nào sau đây ở nước ta thuộc nhóm sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ?

- A. Trồng hoa và cây cảnh.
- B. Chế biến sợi từ xơ dừa.
- C. Chế biến chè, thuốc nam.
- D. Chạm khắc, chế tác đá.

Câu 7. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Mùa lũ ở các sông thường trùng mùa mưa và luôn xảy ra vào mùa hè.
- B. Gió mùa mùa hạ thổi theo hướng tây nam trên phạm vi cả nước.
- C. Lượng bốc hơi lớn hơn lượng mưa năm nên cân bằng ẩm luôn âm.
- D. Thực vật nhiệt đới chiếm ưu thế, phổ biến là cây họ Đậu, họ Vang.

Câu 8. Vào mùa khô ở Nam Bộ nên nhiệt ít có sự chênh lệch giữa các khu vực chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. vị trí xa xích đạo, bề mặt địa hình, Tín phong bán cầu Nam.
- B. Tín phong bán cầu Bắc, vị trí gần xích đạo, độ cao địa hình.
- C. ba mặt giáp biển, gió mùa Tây Nam, đồng bằng diện tích lớn.
- D. hướng nghiêng, Tín phong bán cầu Bắc, gió hướng tây nam.

Câu 9. Thành phần kinh tế nào sau đây giữ vai trò định hướng phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay?

- A. Kinh tế Nhà nước.
- B. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
- C. Kinh tế ngoài Nhà nước.
- D. Kinh tế tập thể, hợp tác xã.

Câu 10. Tỷ lệ lao động trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài của nước ta hiện nay tăng lên chủ yếu do

- A. phát triển nhiều loại hình dịch vụ mới.
- B. chính sách ưu tiên nhập cư của nước ta.
- C. xu hướng mở cửa và hội nhập thế giới.
- D. đẩy mạnh sản xuất mặt hàng xuất khẩu.

Câu 11. Vùng biển nào sau đây ở nước ta có tiềm năng khai thác năng lượng gió lớn nhất?

- A. Thanh Hóa đến Huế.
- B. Đà Nẵng đến Gia Lai.
- C. Quảng Ninh đến Ninh Bình.
- D. Gia Lai đến Cà Mau.

Câu 12. Vùng biển nào sau đây của nước ta nằm ở phía trong đường cơ sở?

- A. Tiếp giáp lãnh hải.
- B. Lãnh hải.
- C. Nội thủy.
- D. Vùng đặc quyền về kinh tế.

Câu 13. Biện pháp chủ yếu để ứng phó với thiên tai trong ngành trồng trọt ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. thay đổi cơ cấu sản xuất, phát triển thủy lợi.
- B. phân bố lại sản xuất, tăng cường cây ăn quả.
- C. thúc đẩy việc chế biến, giảm diện tích lúa.
- D. sử dụng đất hợp lý, phát triển cây lương thực.

Câu 14. Chăn nuôi gia súc ăn cỏ ở nước ta hiện nay

- A. mục đích chủ yếu là lấy sữa và lấy thịt.
- B. sản phẩm đã đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.
- C. tập trung chủ yếu ở ven các thành phố.
- D. hoàn toàn dựa vào nguồn thức ăn tự nhiên.

Câu 15. Thuận lợi chủ yếu về tự nhiên để phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta là

- A. nhiều bãi triều, đầm phá ven biển.
- B. các ngư trường trọng điểm xa bờ.
- C. vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn.
- D. mật độ sông suối, kênh rạch lớn.

Câu 16. Trung du và miền núi phía Bắc tiếp giáp với vùng nào sau đây của nước ta?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Nam Trung Bộ.

Câu 17. Đồng bằng sông Hồng có thế mạnh nào sau đây để phát triển kinh tế biển?

- A. Đầm phá rộng lớn, bãi triều thấp phẳng.
- B. Thềm lục địa hẹp, nhiều vịnh biển kín.
- C. Trữ lượng dầu mỏ, khí tự nhiên rất lớn.
- D. Bãi biển, vịnh biển có phong cảnh đẹp.

Câu 18. Các cao nguyên của vùng Nam Trung Bộ trồng chủ yếu các loại cây công nghiệp lâu năm nào sau đây?

- A. Hồi, cà phê.
- B. Cà phê, cao su.
- C. Dừa, hồi.
- D. Cao su, dừa.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Đông Nam Bộ là một trong hai vùng phát triển công nghiệp hàng đầu của nước ta, giá trị sản xuất tăng qua các năm. Năm 2024, giá trị sản xuất công nghiệp của vùng đạt 5914,7 nghìn tỉ đồng, chiếm 34,9 % so với cả nước. Cơ cấu công nghiệp của vùng bao gồm: các ngành dựa vào lợi thế tài nguyên và lao động; các ngành công nghiệp mới, các ngành sử dụng công nghệ cao.

- a) Hiện nay, sản lượng dầu thô khai thác ở Đông Nam Bộ chủ yếu phục vụ cho xuất khẩu.
- b) Sự phát triển các ngành công nghiệp mới đã góp phần làm cho vùng Đông Nam Bộ luôn đứng đầu cả nước về giá trị sản xuất công nghiệp.
- c) Đông Nam Bộ là vùng có cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng.
- d) Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở Đông Nam Bộ phát triển mạnh chủ yếu do thu hút vốn đầu tư, phân bố ở vị trí thuận lợi, nhu cầu thị trường lớn.

Câu 2. Cho thông tin sau:

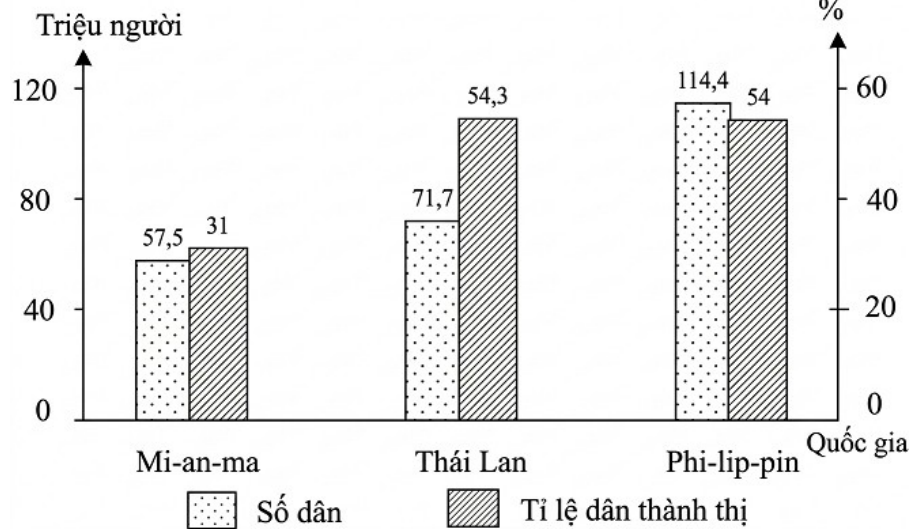
Năm 2024, Việt Nam có số dân là 101,3 triệu người, đứng thứ 3 khu vực Đông Nam Á và thứ 16 trên thế giới. Trong cơ cấu dân số theo độ tuổi, xu hướng tăng tỉ lệ nhóm từ 65 tuổi trở lên và giảm nhóm từ 0 - 14

tuổi. Trong cơ cấu dân số theo giới tính, tình trạng mất cân bằng giới tính đang diễn ra ở lứa tuổi sơ sinh khá lớn.

- Tỉ lệ nhóm dân số từ 0 - 14 tuổi giảm làm cho quy mô dân số nước ta ngày càng giảm.
- Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh ở nước ta hiện nay là do nền kinh tế ngày càng phát triển, trình độ dân trí ngày càng cao.
- Dân số đông nên nước ta có nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn.
- Cơ cấu dân số nước ta đang có sự chuyển dịch.

Câu 3. Cho biểu đồ sau:

Số dân và tỉ lệ dân thành thị của một số quốc gia Đông Nam Á, năm 2024



(Nguồn: ASEAN 2025 Statistical Highlights 2025, <https://www.aseanstats.org>)

- Số dân thành thị Mi-an-ma ít nhất do tỉ lệ dân thành thị và số dân nước này thấp nhất.
- Số dân nông thôn của Thái Lan đạt gần 23,5 triệu người.
- Phi-lip-pin có số dân nhiều nhất, Mi-an-ma có tỉ lệ dân thành thị thấp nhất.
- Số dân nông thôn Phi-lip-pin cao hơn số dân nông thôn Mi-an-ma gần 21 triệu người.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Năm 2024, kim ngạch hàng hoá xuất khẩu nước ta đạt 405,9 tỷ USD. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, ASEAN, ... Kim ngạch hàng hoá nhập khẩu đạt 381,0 tỷ USD. Trung Quốc tiếp tục là thị trường nhập khẩu lớn nhất, tiếp đến là Hàn Quốc, ASEAN, Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ...

- Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu nước ta tăng trong những năm gần đây chủ yếu do sản xuất trong nước phát triển, thị trường ngày càng mở rộng.
- Thị trường xuất nhập khẩu của nước ta chủ yếu là các nước phát triển.
- Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu nước ta tăng trong những năm gần đây chủ yếu do chất lượng cuộc sống dân cư cao, nhu cầu nhập khẩu hàng tiêu dùng cao cấp tăng mạnh.
- Năm 2024, nước ta là nước xuất siêu với giá trị đạt 24,9 tỉ USD.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Năm 2024, tổng GDP của Trung Quốc đạt 18913,2 tỷ USD, số dân là 1,408 tỷ người. Hãy cho biết GDP bình quân đầu người của Trung Quốc năm 2024 là bao nhiêu nghìn USD/người (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Doanh thu ngành dịch vụ bưu chính và viễn thông nước ta năm 2015 và năm 2024

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Năm	2015	2024
Bưu Chính	10961,1	38911,5
Viễn Thông	283971,5	358428,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, NXB Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng doanh thu ngành bưu chính năm 2024 so với năm 2015 tăng thêm bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm ở trạm khí tượng Sơn La và Quy Nhơn của nước ta năm 2024

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Trạm / Tháng	5	6	7	8	9
Sơn La	25,1	26,1	25,9	25,3	24,8
Quy Nhơn	30,3	30,4	30,3	30,5	30,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, NXB Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết sự chênh lệch nhiệt độ tháng cao nhất ở trạm Quy Nhơn với nhiệt độ tháng thấp nhất ở trạm Sơn La năm 2024 là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$ (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4. Cho biết tổng lượng mưa cả năm của Hà Nội là 1670 mm, của Va-len-ti-a là 1416 mm; lượng mưa mùa mưa của Hà Nội là 1397 mm, của Va-len-ti-a là 1091 mm. Hãy cho biết lượng mưa mùa khô của Hà Nội ít hơn Va-len-ti-a là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Năm 2024, sản lượng lương thực có hạt cả năm của Nam Trung Bộ đạt 6333,0 nghìn tấn, số dân là 15872,7 nghìn người. Hãy cho biết bình quân lương thực đầu người của Nam Trung Bộ năm 2024 là bao nhiêu kg/người (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Tổng sản lượng thủy sản và tỉ trọng thủy sản khai thác một số vùng của nước ta năm 2024

Vùng	Đồng bằng sông Hồng	Đồng bằng sông Cửu Long
Tổng sản lượng thủy sản (nghìn tấn)	1305,4	5528,2
Tỉ trọng thủy sản khai thác (%)	28,4	27,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, NXB Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2024 của Đồng bằng sông Cửu Long cao hơn Đồng bằng sông Hồng bao nhiêu nghìn tấn (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN I

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Đáp án	B	D	A	B	B	D	D	B	A
Câu	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Đáp án	C	D	C	A	A	A	B	D	B

PHẦN II

Câu	a	b	c	d
Câu 1	Đúng	Đúng	Đúng	Đúng
Câu 2	Sai	Sai	Đúng	Đúng
Câu 3	Đúng	Sai	Đúng	Sai
Câu 4	Đúng	Sai	Sai	Đúng

PHẦN III

Câu	Đáp án
1	13 nghìn USD/người
2	6,1%
3	5,7 $^{\circ}\text{C}$
4	52 mm
5	399 kg/người
6	3090 nghìn tấn

LỜI GIẢI THAM KHẢO

PHẦN I.

Câu 1

Ta xét sự biến động của 3 ngành từ năm 2015 đến 2024:

- **Bán lẻ:** $4928,7 - 2403,7 = 2525,0$
- **Dịch vụ lưu trú, ăn uống:** $755,8 - 399,8 = 356,0$
- **Dịch vụ và du lịch:** $762,9 - 419,6 = 343,3$

Nếu xét **tốc độ tăng trưởng**, ngành tăng chậm nhất không phải bán lẻ mà là **dịch vụ và du lịch**, nên A sai.

Xét **tỉ trọng**:

- Tổng năm 2015: $2403,7 + 399,8 + 419,6 = 3223,1$
- Tổng năm 2024: $4928,7 + 755,8 + 762,9 = 6447,4$

Tỉ trọng **dịch vụ và du lịch**:

- Năm 2015: $\frac{419,6}{3223,1} \times 100 \approx 13,0\%$
- Năm 2024: $\frac{762,9}{6447,4} \times 100 \approx 11,8\%$

Tỉ trọng giảm, nên **B đúng**.

Đáp án: B

Câu 2

Đặc điểm đúng của công nghiệp nước ta hiện nay là **sản xuất thực phẩm tạo ra nhiều mặt hàng xuất khẩu có giá trị**.

- A sai vì nguyên liệu cho giày dép không hoàn toàn dồi dào trong nước.
- B sai vì điện tử, máy vi tính là ngành tăng trưởng nhanh.
- C sai vì phát biểu quá tuyệt đối.

Đáp án: D

Câu 3

Phát triển cây ăn quả theo hướng sản xuất hàng hóa phải gắn với:

- nâng cao chất lượng,
- chế biến,
- mở rộng thị trường tiêu thụ.

Phương án phù hợp nhất là **đẩy mạnh khâu chế biến, nâng cao chất lượng, mở rộng thị trường**.

Đáp án: A

Câu 4

Ở miền Bắc, **đai nhiệt đới gió mùa** thường phân bố từ chân núi lên đến khoảng **600 - 700 m**.

Đáp án: B

Câu 5

Khối khí nhiệt đới ẩm từ **Bắc Ấn Độ Dương** hoạt động vào mùa hạ, gây mưa chủ yếu cho **Nam Bộ**.

Đáp án: B

Câu 6

Làng nghề thuộc nhóm **sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ** là **chạm khắc, chế tác đá**.

Đáp án: D

Câu 7

Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta có đặc điểm:

- thực vật nhiệt đới chiếm ưu thế.

Các phương án A, B, C đều sai vì:

- lũ không phải lúc nào cũng vào mùa hè,
- gió mùa hạ không thổi tây nam trên toàn quốc,
- cân bằng ẩm ở nước ta nhìn chung dương.

Đáp án: D

Câu 8

Vào mùa khô ở Nam Bộ, nhiệt độ ít chênh lệch giữa các khu vực chủ yếu do:

- vị trí gần xích đạo,
- tác động của **Tín phong bán cầu Bắc**,
- địa hình tương đối thấp, khá bằng phẳng.

Đáp án: B

Câu 9

Thành phần kinh tế giữ vai trò **định hướng phát triển kinh tế - xã hội** là **kinh tế Nhà nước**.

Đáp án: A

Câu 10

Tỉ lệ lao động trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng lên chủ yếu do nước ta **mở cửa và hội nhập thế giới**, thu hút mạnh đầu tư nước ngoài.

Đáp án: C

Câu 11

Vùng biển có tiềm năng khai thác **năng lượng gió lớn nhất** là khu vực từ **Nam Trung Bộ vào Nam Bộ**.

Theo đáp án của đề, chọn **D**.

Đáp án: D

Câu 12

Vùng biển nằm **phía trong đường cơ sở** là **nội thủy**.

Đáp án: C

Câu 13

Biện pháp chủ yếu để ứng phó thiên tai trong trồng trọt ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

- thay đổi cơ cấu sản xuất,
- phát triển thủy lợi.

Đáp án: A

Câu 14

Chăn nuôi gia súc ăn cỏ ở nước ta hiện nay chủ yếu nhằm lấy **thịt và sữa**.

Đáp án: A

Câu 15

Thuận lợi tự nhiên chủ yếu để phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ là có **nhiều bãi triều, đầm phá ven biển**.

Đáp án: A

Câu 16

Trung du và miền núi phía Bắc tiếp giáp với **Bắc Trung Bộ**.

Đáp án: B

Câu 17

Đồng bằng sông Hồng có thể mạnh phát triển kinh tế biển nhờ có **bãi biển, vịnh biển có phong cảnh đẹp**, tiêu biểu khu vực Quảng Ninh - Hải Phòng.

Đáp án: D

Câu 18

Các cao nguyên ở khu vực này trồng chủ yếu các cây công nghiệp lâu năm là **cà phê, cao su**.

Đáp án: B

PHẦN II

Câu 1

a)

Đông Nam Bộ là vùng khai thác dầu khí lớn nhất nước ta; dầu thô khai thác lâu nay chủ yếu hướng tới xuất khẩu.

Kết luận: Đúng

b)

Các ngành công nghiệp mới phát triển mạnh đã góp phần làm cho Đông Nam Bộ giữ vị trí hàng đầu cả nước về giá trị sản xuất công nghiệp. Cụm từ ở đây là **“góp phần”**, nên nhận định này đúng.

Kết luận: Đúng

c)

Cơ cấu ngành công nghiệp của Đông Nam Bộ rất đa dạng, gồm cả ngành truyền thống, ngành mới và ngành công nghệ cao.

Kết luận: Đúng

d)

Ngành điện tử, máy vi tính ở Đông Nam Bộ phát triển mạnh nhờ:

- thu hút vốn đầu tư,
- vị trí thuận lợi,
- thị trường lớn.

Kết luận: Đúng

Câu 2

a)

Tỉ lệ dân số $0-14$ tuổi giảm **không đồng nghĩa** quy mô dân số giảm. Quy mô dân số còn phụ thuộc số sinh, số tử, gia tăng cơ học,...

Kết luận: Sai

b)

Mất cân bằng giới tính khi sinh không phải do kinh tế phát triển hay dân trí cao, mà chủ yếu do **tư tưởng ưa thích con trai**.

Kết luận: Sai

c)

Dân số đông tạo ra:

- nguồn lao động dồi dào,
- thị trường tiêu thụ lớn.

Kết luận: Đúng

d)

Cơ cấu dân số nước ta đang chuyển dịch theo độ tuổi và giới tính.

Kết luận: Đúng

Câu 3

Từ biểu đồ:

- Mi-an-ma: dân số $57,5$ triệu người, dân thành thị 31%

- Thái Lan: dân số $71,7$ triệu người, dân thành thị $54,3\%$
- Phi-lip-pin: dân số $114,4$ triệu người, dân thành thị 54%

a)

Dân thành thị Mi-an-ma:

$$57,5 \times 31\% = 17,825 \text{ triệu người, là thấp nhất.}$$

Kết luận: Đúng

b)

Dân nông thôn Thái Lan:

$$71,7 \times (100\% - 54,3\%) = 32,7669 \text{ triệu người, không phải gần } 23,5 \text{ triệu người.}$$

Kết luận: Sai

c)

Phi-lip-pin có số dân nhiều nhất; Mi-an-ma có tỉ lệ dân thành thị thấp nhất.

Kết luận: Đúng

d)

Chênh lệch số dân nông thôn Phi-lip-pin và Mi-an-ma:

$$114,4 \times 46\% - 57,5 \times 69\% \approx 12,949 \text{ triệu người, không phải gần } 21 \text{ triệu người.}$$

Kết luận: Sai

Câu 4

a)

Xuất khẩu tăng chủ yếu do:

- sản xuất trong nước phát triển,
- thị trường mở rộng.

Kết luận: Đúng

b)

Thị trường xuất nhập khẩu của nước ta không chủ yếu chỉ là các nước phát triển, còn có Trung Quốc, ASEAN,...

Kết luận: Sai

c)

Nhập khẩu tăng chủ yếu không phải do hàng tiêu dùng cao cấp, mà chủ yếu do nhu cầu nhập máy móc, thiết bị, nguyên liệu cho sản xuất.

Kết luận: Sai

d)

Giá trị xuất siêu năm 2024:

$$405,9 - 381,0 = 24,9 \text{ tỉ USD.}$$

Kết luận: Đúng

PHẦN III

Câu 1

GDP bình quân đầu người của Trung Quốc năm 2024:

$$\frac{18913,2}{1,408} = 13432,67 \text{ USD/người} = 13,43 \text{ nghìn USD/người.}$$

Làm tròn đến hàng đơn vị: **13 nghìn USD/người.**

Đáp án: 13 nghìn USD/người

Câu 2

Tỉ trọng doanh thu bưu chính:

- Năm 2015:

$$\frac{10961,1}{10961,1 + 283971,5} \times 100$$

- Năm 2024:

$$\frac{38911,5}{38911,5 + 358428,2} \times 100$$

Mức tăng tỉ trọng:

$$\approx 6,0765\%$$

Làm tròn một chữ số thập phân: $6,1\%$.

Chính xác hơn nên hiểu là **tăng $6,1$ điểm phần trăm**.

Đáp án: $6,1\%$

Câu 3

- Nhiệt độ cao nhất ở Quy Nhơn: $30,5^{\circ}\text{C}$

- Nhiệt độ thấp nhất ở Sơn La: $24,8^{\circ}\text{C}$

Chênh lệch:

$$30,5 - 24,8 = 5,7^{\circ}\text{C}$$

Đáp án: $5,7^{\circ}\text{C}$

Câu 4

Lượng mưa mùa khô:

- Hà Nội: $1670 - 1397 = 273$ mm

- Va-len-ti-a: $1416 - 1091 = 325$ mm

Mưa mùa khô của Hà Nội ít hơn Va-len-ti-a:

$$325 - 273 = 52$$
 mm.

Đáp án: 52 mm

Câu 5

Bình quân lương thực đầu người:

$$\frac{6333,0}{15872,7} \times 1000 = 398,99$$
 kg/người

Làm tròn đến hàng đơn vị: 399 kg/người.

Đáp án: 399 kg/người

Câu 6

Sản lượng thủy sản **nuôi trồng**:

- Đồng bằng sông Hồng:

$$1305,4 \times (100\% - 28,4\%) = 1305,4 \times 71,6\% \approx 934,7$$
 nghìn tấn

- Đồng bằng sông Cửu Long:

$$5528,2 \times (100\% - 27,2\%) = 5528,2 \times 72,8\% \approx 4024,5$$
 nghìn tấn

Chênh lệch: $4024,5 - 934,7 \approx 3089,9$ nghìn tấn

Làm tròn: 3090 nghìn tấn.

Đáp án: 3090 nghìn tấn